

TRƯỜNG ĐH KHXH&NV-ĐHQG HCM
KHOA VĂN HỌC & NGÔN NGỮ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin chung về môn học:

- Tên môn học:

Tên tiếng Việt: **LỊCH SỬ GIÁO DỤC - KHOA CỬ VÀ QUAN CHẾ Ở VIỆT NAM**

Tên tiếng Anh: **History of Education-Examinations and Officials system in Vietnam**

- Mã môn học:

- Môn học thuộc khối kiến thức: Chuyên ngành – Tự chọn

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>

2. Số tín chỉ: 2

3. Trình độ: Năm thứ 3 hoặc năm thứ 4 chuyên ngành Hán Nôm

4. Phân bố thời gian: 30 tiết (1 TC = 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành)

- Lý thuyết: 24 tiết

- Thực hành: 00 tiết

- Thảo luận/Thuyết trình nhóm: 06 tiết

- Các hoạt động khác: (*bài tập, trò chơi, đố vui, diễn kịch, xem phim, ...*): bài tập ở nhà.

- Tự học: 60 tiết

5. Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Học xong các môn đại cương và cơ sở của chuyên ngành Hán Nôm

- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: nắm chắc tri thức cơ bản đã được học, biết vận dụng để nghiên cứu một vấn đề cụ thể về giáo dục – khoa cử và quan chế.

6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học: Chuyên đề được trình bày 2 phần: phần 1 về lịch sử giáo dục và khoa cử ở VN qua các triều đại lịch sử (từ đầu đến năm 1945); phần 2 về hệ thống quan chế ở nước ta từ khi lập quốc đến năm 1945.

7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: Giúp SV nắm được có hệ thống về nội dung, ý nghĩa, tính chất của các lĩnh vực thuộc *giáo dục khoa cử*: cách thức học hành, thi cử qua các triều đại, học vị công nhận tại các khoa thi; lịch sử chế độ khoa cử ở Việt Nam thời phong kiến và thời Pháp thuộc; *bộ máy hành chính Nhà nước cùng hệ thống quan chế* từ trung ương đến địa phương với những chức tước, phẩm trật cụ thể, để SV có đủ kiến thức cần thiết khi đọc, tìm hiểu, tra cứu các tư liệu cổ, nghiên cứu những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực này. Vận dụng để nghiên cứu một nội dung cụ thể thuộc lĩnh vực giáo dục khoa cử và quan chế ở Việt Nam.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể: (có thể tham khảo thang đo các cấp độ của Bloom để sử dụng các động từ/danh từ chỉ khả năng, kỹ năng và thái độ cụ thể)

- + Nắm chắc kiến thức về lịch sử giáo dục, khoa cử và quan chế ở Việt Nam thời phong kiến, thời Pháp thuộc.
- + Vận dụng tri thức để nghiên cứu một vấn đề cụ thể về giáo dục, khoa cử và quan chế ở Việt Nam thời phong kiến, thời Pháp thuộc.
- + Biết cách phân tích, tổng hợp, khái quát, luận giải khi trình bày vấn đề.
- + Đạt được kỹ năng tự học, tự nghiên cứu cơ bản.
- + Có tinh thần, thái độ học tập nghiên cứu đúng đắn và nghiêm túc.

8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
	SV Mô tả/trình bày được những kiến thức cơ bản của nội dung môn học	<ul style="list-style-type: none"> - GV thuyết trình, diễn giảng, phát vấn, gợi mở, nêu vấn đề - GV gợi mở vấn đề để SV Thảo luận nhóm - SV thuyết trình trên cơ sở đã chuẩn bị bài tập ở nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng trình bày - Ý kiến hỏi đáp - Kiểm tra giữa kỳ - Kiểm tra cuối kỳ - Làm bài tập nghiên cứu

*Ghi chú:

- Bảng dưới đây áp dụng đối với các chương trình đào tạo tham gia đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA hoặc khuyến khích đối với các môn học chuyên ngành

- PLO viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh “Program Learning Outcomes” (Kết quả học tập của chương trình đào tạo)

TT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến) PLO		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
	<ul style="list-style-type: none"> + Nắm chắc kiến thức cơ bản về lịch sử giáo dục, khoa cử và quan chế ở Việt Nam. + Vận dụng tri thức để nghiên cứu một vấn đề cụ thể về lịch sử giáo dục, khoa cử và quan chế ở Việt Nam. + Biết cách phân tích, tổng hợp, 	<ul style="list-style-type: none"> - GV diễn giảng, phát vấn, trao đổi, gợi mở, hướng dẫn SV đọc tài liệu, gợi ý những vấn đề cần nghiên cứu. - SV đọc tài liệu ở nhà, thảo luận nhóm - SV thuyết trình trước lớp - SV đi thực tế, làm bài tiểu luận theo nhóm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng trình bày. - Ý kiến hỏi đáp. - Kiểm tra giữa kỳ. - Đi thực tế, viết tiểu luận. - Kiểm tra cuối kỳ. 	K5	KN4	TĐ 4

khái quát, luận giải khi trình bày vấn đề. + Đạt được kỹ năng tự học, tự nghiên cứu cơ bản. + Có tinh thần, thái độ học tập nghiên cứu đúng đắn và nghiêm túc.					
---	--	--	--	--	--

9. Tài liệu phục vụ môn học:

9.1. Tài liệu/giáo trình chính:

1. Nguyễn Công Lý, *Giáo dục, Khoa cử và Quan chế ở Việt Nam thời phong kiến, thời Pháp thuộc*, Nxb ĐHQG TP HCM, 2011.

9.2. Tài liệu tham khảo/bổ sung:

1. Ngô Văn Ban – Nguyễn Công Lý – Lê Trọng Ngoạn, *Lược khảo và tra cứu về học chế, quan chế ở Việt Nam từ 1945 về trước*, Nxb VH TT, Hà Nội, 1997.

2. Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, đọc hai phần *Quan chế chí* và *Khoa mục chí*, bản dịch của Viện Sử học, Nxb Sử học, Hà Nội, 1961.

3. Cao Xuân Dục, *Quốc triều đăng khoa lục*, bản dịch của Lê Mạnh Liêu, Trung tâm học liệu Bộ Quốc gia Giáo dục Sài Gòn, 1962.

4. Cao Xuân Dục, *Quốc triều hương khoa lục*, bản chữ Hán của trường Viễn Đông Bác Cổ Hà Nội, Thư viện Viện Khảo cổ Sài Gòn; bản dịch, Nxb Tp. HCM, 1993.

5. Trần Văn Giáp, *Lược khảo về khoa cử Việt Nam từ khởi thủy đến khoa Mậu Ngọ*, Trường Viễn Đông Bác Cổ, Hà Nội, 1941.

6. Dương Quảng Hàm, *Việt Nam văn học sử yếu*, Trung tâm học liệu, Bộ Quốc gia Giáo dục, Sài Gòn, tái bản, 1968. Đọc viết về học hành, thi cử.

7. Nguyễn Hoàn – Uông Sĩ Lãng – Võ Miên – Phan Trọng Phiên, *Đại Việt lịch triều đăng khoa lục*, bản dịch của Tạ Thúc Khải, Trung tâm học liệu, Bộ Quốc gia Giáo dục, Sài Gòn, 1962.

8. Trần Trọng Kim, *Nho giáo*, Trung tâm học liệu, Bộ Quốc gia Giáo dục, S, tb, 1968.

9. Phan Khoang, *Việt Nam Pháp thuộc sử*, Khai Trí, Sài Gòn, tái bản, 1970.

10. Nguyễn Thế Long, *Nho học ở Việt Nam: Giáo dục và thi cử*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1995.

11. Lê Kim Ngân, *Tổ chức chính quyền trung ương dưới thời Lê Thánh Tông (1460 – 1497)*, Trung tâm học liệu, Bộ Quốc gia Giáo dục, Sài Gòn, 1963.

12. Đỗ Văn Ninh, *Tự điển Quan chức Việt Nam*, NXB Thanh niên, H, 2002.

13. Huyền Quang, *Lược khảo về khoa cử Việt Nam*, Văn hoá Á châu, Sài Gòn, 1960.

14. Nguyễn Thị Chân Quỳnh, *Khoa cử Việt Nam*, tập thượng: *Thi Hương*, Nxb Văn học & TTNC Quốc học, HN, 2005.

15. Nguyễn Thị Chân Quỳnh, *Khoa cử Việt Nam*, tập hạ: *Thi Hội, Thi Đình*, Nxb Văn học & TTNC Quốc học, HN, 2007.

16. Quốc Sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, bản dịch của Viện Sử học, Nxb Sử học, Hà Nội, 1963.

17. Nguyễn Đăng Tiên (chủ biên), *Lịch sử giáo dục Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám 1945*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1996.

9.3. Tài liệu mạng:

- Trang Web của Khoa Văn học và Ngôn ngữ
- Trang Web của Viện Nghiên cứu Hán Nôm
- Trang Web của Viện Sử học

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
Giữa kỳ	- Chuyên cần - Thuyết trình - Bài tập - Kiểm tra giữa kỳ Cộng	10 % 10 % 20 % 60% 100%	Điểm giữa kỳ	30%
Cuối kỳ	- Chuyên cần - Thuyết trình - Bài tập - Thi cuối kỳ/Tiểu luận Cộng:	10 % 10 % 20 % 60% 100%	Điểm cuối kỳ	70%
Cộng				100% (10/10)

Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

- Xếp loại đánh giá (GV tự xây dựng)
- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm (GV tự xây dựng)
- Hướng dẫn về rubrics chấm điểm (GV tự xây dựng tùy đặc thù môn học/ngành học)

11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên

11.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.
- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp.
- Tuyệt đối không được copy tài liệu (sách, tạp chí, mạng) khi làm bài tập ở nhà.
- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp nghe giảng.
- Có tham gia thuyết trình, thảo luận theo nhóm.
- Sử dụng công nghệ/phần mềm/thực hành: trình bày bài thuyết trình bằng power-point.
- Viết tiểu luận môn học theo nhóm.

- Thi hết môn.

11.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Không tham dự đủ tối thiểu 80% thời gian lên lớp, sẽ không được dự thi cuối kỳ.
- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ.
- Nộp tiểu luận trễ trong vòng 1 tuần sẽ bị trừ điểm.
- Trường hợp đạo văn, không trích dẫn nguồn sẽ bị đánh hỏng, phải học lại.

11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)

- Có thể nêu thắc mắc, trao đổi nội dung môn học với giảng viên bằng điện thoại, bằng email ngoài giờ hành chính.

12. Nội dung chi tiết môn học: viết chi tiết tên chương, tiết, mục; chẳng hạn:

Chuyên đề này được biên soạn trọng tâm gồm 2 phần; phần 1 có 4 chương, phần 2 có 3 chương. Cụ thể như sau:

MỞ ĐẦU: Giới thiệu những vấn đề chung

Phần 1: LỊCH SỬ CHẾ ĐỘ GIÁO DỤC VÀ KHOA CỬ Ở VIỆT NAM TRƯỚC 1945 (nghe giảng 15 tiết, thảo luận 03 tiết = 18 tiết)

Chương 1. Nhìn chung về chế độ giáo dục ở Việt Nam thời phong kiến

- 1.1. Tầm quan trọng của giáo dục ở Việt Nam thời phong kiến
- 1.2. Chế độ giáo dục và hệ thống trường học ở Việt Nam thời phong kiến
- 1.3. Công cuộc cải cách giáo dục của các sĩ phu Việt Nam đầu thế kỷ XX

Chương 2. Sách giáo khoa, nội dung chương trình thi, cách thức và quy chế thi ở Việt Nam thời phong kiến

- 2.1. Sách giáo khoa và nội dung chương trình thi
- 2.2. Cách thức tổ chức và quy chế thi
- 2.3. Học vị công nhận trong các khoa thi ở các cấp

Chương 3. Lịch sử khoa cử ở Việt Nam thời phong kiến (từ 1075 đến 1919)

- 3.1. Khoa cử thời Lý – Trần (Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Hồ)
- 3.2. Khoa cử thời Hậu Lê – Tây Sơn (Lê sơ, Lê - Mạc, Lê trung hưng, Tây Sơn)
- 3.3. Khoa cử thời chúa Nguyễn ở Đàng Trong và nhà Nguyễn

Chương 4. Sơ lược về chế độ giáo dục và thi cử ở Việt Nam thời Pháp thuộc

- 4.1. Chính sách giáo dục của Pháp ở Việt Nam
- 4.2. Các trường học và chế độ giáo dục, thi cử của Pháp ở Việt Nam

PHẦN 2. HỆ THỐNG QUAN CHẾ Ở VIỆT NAM TRƯỚC 1945 (nghe giảng 9 tiết, thảo luận 03 tiết = 12 tiết)

Chương 5. Những vấn đề chung

Chương 6. Hệ thống quan chế ở Việt Nam thời phong kiến

- 2.1. Tổ chức bộ máy Nhà nước và quan chế tại triều đình trung ương qua các triều đại
- 2.2. Tổ chức bộ máy Nhà nước và quan chế tại các địa phương qua các triều đại

2.3. Hệ thống quan chế và phẩm trật

Chương 7. Tổ chức bộ máy Nhà nước và quan chế thời Pháp thuộc

3.1. Phủ Toàn quyền Đông Dương và mối quan hệ với triều Nguyễn

3.2. Bộ máy Nhà nước ở các vùng miền, các tỉnh...

Tổng kết

Thực hành/Xêmina (06 tiết): Chia lớp làm 2 nhóm, mỗi nhóm trình bày một vấn đề trước lớp (về quan chế, về học chế); mỗi vấn đề sẽ thực hiện trong 03 tiết.

13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

Buổi/ Tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)
1	3	Mở đầu: Giới thiệu chung. Phần 1. Giáo dục Khoa cử. Chương 1: Nhìn chung về chế độ giáo dục ở Việt Nam thời phong kiến.	- GV thuyết trình, diễn giảng, phát vấn, gợi mở, nêu vấn đề. - SV thảo luận nhóm, trao đổi trước lớp.	Đọc tài liệu chính thức. Đọc tài liệu đọc thêm như ghi ở trên (tùy tình hình, gv sẽ yêu cầu đọc tài liệu nào)
1, 2	4	Chương 2: Sách giáo khoa, nội dung chương trình thi, cách thức và quy chế thi ở Việt Nam thời phong kiến	- GV thuyết trình, diễn giảng, phát vấn, gợi mở, nêu vấn đề. - SV thảo luận nhóm, trao đổi trước lớp.	Đọc tài liệu chính thức. Đọc tài liệu đọc thêm như ghi ở trên (tùy tình hình, gv sẽ yêu cầu đọc tài liệu nào)
2, 3	5	Chương 3. Lịch sử khoa cử ở Việt Nam thời phong kiến (từ 1075 đến 1919)	- GV thuyết trình, diễn giảng, phát vấn, gợi mở, nêu vấn đề. - SV thảo luận nhóm, trao đổi trước lớp.	Đọc tài liệu chính thức. Đọc tài liệu đọc thêm như ghi ở trên (tùy tình hình, gv sẽ yêu cầu đọc tài liệu nào)
3	3	Chương 4. Sơ lược về chế độ giáo dục và thi cử ở Việt Nam thời Pháp thuộc	- GV thuyết trình, diễn giảng, phát vấn, gợi mở, nêu vấn đề. - SV thảo luận nhóm, trao đổi trước lớp.	Đọc tài liệu chính thức. Đọc tài liệu đọc thêm như ghi ở trên (tùy tình hình, gv sẽ yêu cầu đọc tài liệu nào)
4	3	SV Thảo luận/Thuyết trình	- SV thuyết trình trên cơ sở đã chuẩn bị bài tập ở nhà.	SV chuẩn bị bài trước.
4	1	Phần 2. Tổ chức bộ máy Nhà nước - Hệ thống Quan chế. Chương. Chương 5: Giới thiệu chung	- GV thuyết trình, diễn giảng, phát vấn, gợi mở, nêu vấn đề. - SV thảo luận nhóm, trao đổi trước lớp.	Đọc tài liệu chính thức. Đọc tài liệu đọc thêm như ghi ở trên (tùy tình hình, gv sẽ yêu cầu đọc tài liệu nào)

4, 5	5	Chương 6: Hệ thống quan chế ở Việt Nam thời phong kiến	- GV thuyết trình, diễn giảng, phát vấn, gợi mở, nêu vấn đề. - SV thảo luận nhóm, trao đổi trước lớp.	Đọc tài liệu chính thức. Đọc tài liệu đọc thêm như ghi ở trên (tùy tình hình, gv sẽ yêu cầu đọc tài liệu nào)
5, 6	3	SV Thảo luận/Thuyết trình	- SV thuyết trình trên cơ sở đã chuẩn bị bài tập ở nhà.	SV chuẩn bị bài trước.
6	3	Chương 7. Tổ chức bộ máy Nhà nước và quan chế thời Pháp thuộc Tổng kết môn học	- GV thuyết trình, diễn giảng, phát vấn, gợi mở, nêu vấn đề. - SV thảo luận nhóm, trao đổi trước lớp.	Đọc tài liệu chính thức. Đọc tài liệu đọc thêm như ghi ở trên (tùy tình hình, gv sẽ yêu cầu đọc tài liệu nào)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 6 năm 2014

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

PGS.TS. LÊ GIANG

TS. LÊ QUANG TRƯỜNG

PGS.TS. NGUYỄN CÔNG LÝ

*** Ghi chú tổng quát:**

Trường hợp đề cương môn học cần được phát cho sinh viên hoặc môn học chỉ có một GV tham gia giảng dạy thì có thể bổ sung ngay từ đầu phần sau đây (đưa lên phần đầu của đề cương):

Giảng viên phụ trách môn học (có thể dùng bảng hoặc không)

Họ và tên: **PGS.TS. NGUYỄN CÔNG LÝ, Khoa Văn học và Ngôn ngữ**

Địa chỉ cơ quan: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại liên hệ GV: (08)62574112

Email: nguyencongly54@yahoo.com.vn

Cách liên lạc với giảng viên: Gọi điện thoại hoặc gửi email để trao đổi hoặc thắc mắc về nội dung môn học.

Nơi tiến hành môn học: tại lớp học Trường ĐHKHXH&NV-ĐHQG HCM

Thời gian học: Năm thứ 3 hoặc 4, mỗi tuần/1 buổi (5 tiết), học trong 6 buổi; nghiên cứu tài liệu ở nhà để làm bài tập và câu hỏi thảo luận.